

T

CHƯƠNG 3

TÍNH QUAN V NGHI P V TÍNH D NG

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

1. Khái niệm:

Tín dụng ngân hàng là quan hệ chuyển nhượng quyền sử dụng vốn từ ngân hàng cho khách hàng trong một thời hạn nhất định với một khoản chi phí nhất định.

Quan hệ tín dụng dựa trên nền tảng của sự tin tưởng nhau giữa các chủ thể.

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

1. Khái niệm:

Tín dụng ngân hàng phải bao gồm 3 nội dung:

- Có sự chuyển nhượng quyền sử dụng vốn từ người sở hữu sang người sử dụng.
- Sự chuyển nhượng này là có thời hạn.
- Sự chuyển nhượng này có kèm theo chi phí.

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

2. Nguyên tắc tín dụng:

❖ **Vốn vay phải sử dụng đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.**

Ý nghĩa:

- *Đảm bảo tính hiệu quả của việc sử dụng vốn vay.*
- *Đảm bảo khả năng thu hồi nợ vay.*

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

2. Nguyên tắc tín dụng:

❖ Khoản vay phải được hoàn trả đầy đủ cả nợ gốc và lãi vay theo đúng thời hạn đã cam kết trong hợp đồng tín dụng.

Ý nghĩa:

Đảm bảo khả năng thanh toán chi trả cho các ngân hàng thương mại và góp phần ổn định nguồn thu của ngân hàng.

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

3. Điều kiện cấp tín dụng:

Người đi vay phải có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Có khả năng tài chính đảm bảo trả được nợ cho ngân hàng trong thời hạn cam kết.

Mục đích sử dụng vốn hoàn toàn hợp pháp.

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

3. Điều kiện cấp tín dụng:

Phương án kinh doanh phải có tính khả thi và đạt hiệu quả cao.

Thực hiện đầy đủ các hình thức bảo đảm tiền vay theo quy định của Chính phủ và của NHNN.

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

- ❖ Những nhu cầu vốn không được cho vay:
 - Đáp ứng nhu cầu vốn để mua sắm các tài sản và các chi phí hình thành nên các tài sản mà pháp luật cấm mua bán, chuyển nhượng, chuyển đổi.
 - Để thanh toán cho một khoản vay khác hiện hữu tại các ngân hàng (*vay đảo nợ*).

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

- ❖ Những khách hàng không được NH cho vay:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc) của NH.
 - Cán bộ nhân viên của chính NH đang thực hiện nhiệm vụ thẩm định, quyết định cho vay.
 - Bố, mẹ, vợ, chồng, con của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc) của NH.

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

4. Thời hạn cấp tín dụng:

Thời hạn cho vay là khoảng thời gian tính từ khi bên vay nhận khoản tiền vay đầu tiên cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Căn cứ để xác định thời hạn cho vay:

- Phương thức cho vay.
- Chu kỳ sản xuất kinh doanh.
- Khả năng trả nợ của khách hàng.
- Khả năng nguồn vốn của ngân hàng.

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

5. Lãi suất tín dụng:

Lãi suất là biểu hiện của giá cả khoản tiền mà người cấp tín dụng đòi hỏi khi tạm thời trao quyền sử dụng khoản tiền của mình cho người khác.

Người nhận cấp tín dụng xem lãi suất như là khoản chi phí phải trả cho nhu cầu sử dụng tạm thời tiền của người khác.

Lãi suất tín dụng được đo lường bằng tỷ lệ % trên số tiền vay mà người đi vay phải trả cho người cho vay trong một khoảng thời gian nhất định.

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

❖ Nguyên tắc xây dựng lãi suất:

- Trên cơ sở cung cầu tín dụng.
- Được điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát.

$LS_{HĐ} = \text{Tỷ lệ LP} + \text{Lãi suất thực}$

$LS \text{ cấp tín dụng} = LS \text{ huy động} + \text{Chi phí} + \text{Thuế} + \text{Lợi nhuận}$

$LS \text{ cấp tín dụng} > \text{Lãi suất huy động} > \text{Tỷ lệ lạm phát}$

- Được điều chỉnh tùy theo mức độ rủi ro của khách hàng vay vốn.

Rủi ro càng cao \rightarrow LSTD càng cao

- $LS \text{ cấp tín dụng ngắn hạn} < LS \text{ cấp tín dụng trung và dài hạn}$

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

❖ Các yếu tố ảnh hưởng đến lãi suất:

- Cung và cầu vốn vay: sự tăng hay giảm của mức cung hoặc cầu vốn sẽ làm thay đổi lãi suất.
- Lãi suất huy động
- Chi phí hoạt động nghiệp vụ ngân hàng
- Lợi nhuận dự kiến chia cho cổ đông
- Mức độ rủi ro tín dụng
- Quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng
- Cạnh tranh giữa các NHTM với nhau
- Số lượng và thời hạn vốn vay
- Yếu tố lạm phát

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

❖ Lãi suất trong hạn:

Áp dụng để tính lãi vay của khoảng thời gian còn trong thời hạn trả nợ.

Do ngân hàng cho vay và khách hàng thoải thuận nhưng phải phù hợp với chính sách điều hành lãi suất nền kinh tế của NHNN.

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

❖ Lãi suất quá hạn:

Áp dụng để tính lãi vay kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn trở đi.

Do ngân hàng cho vay đề xuất, lớn hơn lãi suất trong hạn nhưng không vượt quá mức tối đa mà NHNN cho phép.

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

6. Giới hạn cho vay:

- Tổng dư nợ cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của TCTD. Trừ trường hợp đặc biệt, khi được Chính phủ cho phép đối với từng trường hợp cụ thể thì các TCTD mới được cho vay vượt 15% vốn tự có của mình.
- Tổng mức cho vay và bảo lãnh của TCTD đối với một khách hàng không được vượt quá 25% vốn tự có của TCTD.
- Trường hợp nhu cầu vốn của một khách hàng vượt quá 15% vốn tự có của TCTD thì các TCTD cho vay hợp vốn theo quy định của NHNN VN.

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

7. Các phương thức cho vay:

❖ *Dựa vào thời hạn cho vay:*

Cho vay ngắn hạn

Cho vay trung và dài hạn

❖ *Dựa vào mục đích sử dụng vốn:*

Cho vay sản xuất.

Cho vay tiêu dùng.

❖ *Dựa vào mức độ tín nhiệm đối với khách hàng:*

Cho vay có tài sản đảm bảo.

Cho vay không có tài sản đảm bảo.

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

7. Các phương thức cho vay:

❖ Dựa vào kỹ thuật cho vay:

Cho vay theo món.

Cho vay theo hạn mức tín dụng.

Cho vay theo hạn mức thấu chi.

Cho vay theo dự án đầu tư.

Cho vay hợp vốn.

Cho vay trả góp.

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

8. Các khái niệm khác trong nghiệp vụ cho vay:

❖ Hạn mức cho vay:

Là mức dư nợ tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định.

❖ Kỳ hạn trả nợ:

Là các khoảng thời gian trong thời hạn cho vay mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó khách hàng phải trả nợ cho ngân hàng.

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

8. Các khái niệm khác trong nghiệp vụ cho vay:

❖ Gia hạn nợ:

Gia hạn nợ là việc ngân hàng chấp nhận cho khách hàng kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ ngoài thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

❖ Đảo nợ:

Vay một khoản mới để thanh toán cho một khoản vay khác tại ngân hàng.

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

9. Cơ sở pháp lý:

❖ Văn bản luật :

- Luật các tổ chức tín dụng (12/12/1997).
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật các tổ chức tín dụng (15/06/2004).
- Các văn bản luật khác liên quan đến hoạt động tín dụng ngân hàng...

I. ĐÔI NÉT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

9. Cơ sở pháp lý:

❖ Nghị định của chính phủ:

Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ.

❖ Các văn bản do NHNN ban hành:

Quyết định 1627/2001/QĐ/NHNN ngày 31/12/2001 của NHNN.

❖ Các quyết định, thông báo của TCTD ban hành.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

Bước 1: Hướng dẫn khách hàng và tiếp nhận hồ sơ.

Bước 2: Thẩm định hồ sơ vay và lập tờ trình.

Bước 3: Ra quyết định cho vay và thông báo kết quả cho khách hàng.

Bước 4: Lập hợp đồng tín dụng và hoàn tất thủ tục pháp lý về tài sản bảo đảm nợ vay

Bước 5: Giải ngân.

Bước 6: Kiểm tra theo dõi khoản vay, thu nợ và thanh lý tất toán khoản vay

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

1. Hướng dẫn KH và tiếp nhận hồ sơ :

- Tiếp cận khách hàng để tư vấn cho khách hàng lựa chọn sản phẩm thích hợp và thu thập những thông tin ban đầu về khách hàng.
- Hướng dẫn cho những khách hàng đủ điều kiện về thủ tục và các loại giấy tờ cần thiết cho việc vay vốn.
- Tiếp nhận hồ sơ vay từ khách hàng.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

Hồ sơ cấp tín dụng:

- Giấy đề nghị cấp tín dụng.
- Phương án sử dụng vốn.
- Hồ sơ pháp lý: bao gồm các giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân của khách hàng như giấy phép kinh doanh, điều lệ công ty, quyết định bổ nhiệm giám đốc, quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng...
- Hồ sơ tài chính: bao gồm các bảng báo cáo tài chính thời kỳ theo yêu cầu của các ngân hàng.
- Hồ sơ về phương án sản xuất kinh doanh: bao gồm các tài liệu về phương án sản xuất kinh doanh.
- Hồ sơ về tài sản đảm bảo: bao gồm các giấy tờ có liên quan đến tài sản thế chấp, tài sản cầm cố hoặc bảo lãnh nợ vay.
- Các giấy tờ liên quan khác theo yêu cầu của các ngân hàng.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

2. Thẩm định hồ sơ vay và lập tờ trình:

Thẩm định là việc thu thập và xử lý những thông tin liên quan đến *khách hàng, phương án vay vốn, tài sản đảm bảo nợ vay...* để làm cơ sở ra quyết định cho vay.

- ❖ Thông tin sử dụng trong công tác thẩm định:
 - Thông tin do khách hàng cung cấp.
 - Thông tin đã được lưu trữ tại ngân hàng.
 - Thông tin từ các đối tượng khác cung cấp.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

2. Thẩm định hồ sơ vay và lập tờ trình:

❖ Nội dung thẩm định :

➤ Thẩm định khách hàng:

Kiểm tra tư cách pháp lý.

Đánh giá khả năng tài chính.

➤ Thẩm định phương án vay vốn

Đánh giá tính khả thi.

Phân tích hiệu quả kinh tế.

Đánh giá khả năng trả nợ.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

2. Thẩm định hồ sơ vay và lập tờ trình:

❖ Nội dung thẩm định:

➤ Tài sản đảm bảo nợ vay:

- Kiểm tra tính hợp lệ của TS đảm bảo.
- Xác định giá trị còn lại của TS đảm bảo.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

2. Thẩm định hồ sơ vay và lập tờ trình:

❖ **Lập tờ trình thẩm định:**

Tờ trình thẩm định là báo cáo kết quả công tác thẩm định và ý kiến đề xuất của nhân viên thẩm định.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

3. Ra quyết định cho vay và thông báo kết quả cho khách hàng :

- Hội đồng tín dụng trực tiếp kiểm tra kết quả thẩm định để làm cơ sở cho việc ra quyết định.

- Trên cơ sở quyết định của HĐTD nhân viên tín dụng có trách nhiệm thông báo cho khách hàng về quyết định cho vay hoặc từ chối cho vay đối với khách hàng.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

4. Lập hợp đồng tín dụng và hoàn tất thủ tục pháp lý về tài sản đảm bảo nợ vay:
 - ❖ **Lập và ký hợp đồng.**
 - Hợp đồng **tín dụng**:
 - Hợp đồng **thế chấp**, cầm cố và các hợp đồng khác.
 - ❖ **Thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo và quản lý tài sản bảo đảm nợ vay.**

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

Hợp đồng tín dụng phải có nội dung sau:

- Về các điều kiện cấp tín dụng.
- Mục đích sử dụng vốn vay.
- Phương thức cho vay, phương thức trả nợ
- Số tiền cấp tín dụng, lãi suất, thời hạn cấp tín dụng
- Hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm
- Những cam kết khác được các bên thỏa thuận.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

5. Giải ngân:

❖ Căn cứ giải ngân cho khách hàng:

- Hồ sơ do khách cung cấp.
- Báo cáo thẩm định.
- Hợp đồng tín dụng.
- Hợp đồng đảm bảo nợ vay.
- Chứng từ pháp lý của tài sản đảm bảo.
- Chứng từ chứng minh nhu cầu sử dụng vốn của khách hàng.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

5. Giải ngân:

❖ Tổ chức giải ngân:

- Bộ phận tín dụng tiến hành lập đề nghị giải ngân cho khách hàng.
- Bộ phận kế toán kiểm tra, xử lý chứng từ giải ngân và mở tài khoản cho vay để theo dõi nợ vay.
- Bộ phận ngân quỹ phát tiền cho khách hàng trên cơ sở chứng từ do bộ phận kế toán cung cấp.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

5. Giải ngân:

❖ Hình thức giải ngân:

Tiền mặt.

Chuyển khoản.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

6. Kiểm tra theo dõi khoản vay, thu nợ, thanh lý tất toán khoản vay:

❖ **Kiểm tra sau khi giải ngân:**

- Kiểm tra theo dõi tình hình sử dụng vốn của khách hàng, tình hình tài chính và công nợ của khách hàng, nhằm phát hiện kịp thời những gian lận trong khâu sử dụng vốn vay.

- Kiểm tra đánh giá lại tài sản bảo đảm nợ vay

❖ Thu nợ:

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

6. Kiểm tra theo dõi khoản vay, thu nợ, thanh lý tất toán khoản vay:

❖ Thanh lý, tất toán khoản vay:

Hồ sơ vay chỉ thanh lý khi bên đi vay thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng (*trước hạn hoặc đúng hạn*):

- Ký thanh lý hợp đồng tín dụng.
- Hoàn trả tài sản đảm bảo nợ vay cho KH
- Lưu trữ hồ sơ vay.

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG CỦA NHTM

6. Kiểm tra theo dõi khoản vay, thu nợ, thanh lý tất toán khoản vay :

❖ Xử lý nợ vay :

Nếu đến hạn trả nợ, bên đi vay không trả được nợ cho ngân hàng và không được đồng ý gia hạn/điều chỉnh kỳ hạn nợ thì ngân hàng tiến hành xem xét chuyển nợ quá hạn, tiếp tục theo dõi để thu hồi nợ

III. ĐẢM BẢO TÍN DỤNG

1. Khái niệm:

Bảo đảm tiền vay là việc các TCTD áp dụng các biện pháp nhằm phòng ngừa rủi ro, tạo cơ sở kinh tế và pháp lý để thu hồi các khoản nợ đã cho khách hàng vay.

III. ĐẢM BẢO TÍN DỤNG

2. Mục đích:

- Nhằm nâng cao trách nhiệm trả nợ của khách hàng vay.
- Nhằm phòng ngừa gian lận.
- Nhằm phòng ngừa rủi ro.

III. ĐẢM BẢO TÍN DỤNG

3. Điều kiện để tài sản được coi là ĐBTĐ:

- Tài sản phải thuộc quyền sở hữu hợp pháp của khách hàng vay vốn.
- Tài sản phải được pháp luật cho phép chuyển nhượng hợp pháp.
- Tài sản phải có thị trường tiêu thụ. Đây là điều kiện cần thiết để ngân hàng có thể bán hoặc phát mãi tài sản khi khách hàng không trả nợ được.

Khi xem xét điều kiện này phải lưu ý những yếu tố:

- Trên thị trường hiện tại có tài sản đó?
- Tài sản đó có thể bán nhanh chóng hay không?
- Chi phí bán tài sản như thế nào?
- Định giá tài sản đảm bảo đó như thế nào?

III. ĐẢM BẢO TÍN DỤNG

4. Các loại bảo đảm tín dụng:

- Bảo đảm tín dụng bằng tài sản thế chấp.
- Bảo đảm tín dụng bằng tài sản cầm cố.
- Bảo đảm tín dụng bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Bảo đảm tín dụng bằng hình thức bảo lãnh.